TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 672/2019/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 04 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 0624/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Nguyễn Phan Khánh A** Sinh năm: 1986

Địa chỉ thường trú: A3/23 Tầng 3, chung cư X, khu dân cư M, Phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **Bùi Việt B** Sinh năm: 1982

Địa chỉ thường trú: 176 đường L, phường K, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 207/2012, quyển số 02/2012 do Ủy ban nhân dân phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Phan Khánh A và ông Bùi Việt B ngày 29 tháng 12 năm 2012 cùng lời trình bày của các bên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Phan Khánh A và ông Bùi Việt B là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết, Tòa đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên cuộc hôn nhân này đã không đạt được mục đích nên sự thỏa thuận của các đương sự về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện và đúng pháp luật, nghĩ nên công nhận.

[2] Về con chung: bà A và ông B xác nhận có 01 con chung là Bùi C - sinh ngày 05/12/2012. Đôi bên thỏa thuận giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông B cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 10/5/2019 cho đến khi trẻ Minh đủ tuổi trưởng thành, thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên về con chung là tự nguyện và đúng pháp luật nên có cơ sở để công nhận.

[3] Về tài sản chung: bà A và ông B không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: bà Nguyễn Phan Khánh A và ông Bùi Việt B phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Phan Khánh A và ông Bùi Việt B thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* có 01 con chung là Bùi Minh - sinh ngày 05/12/2012. Đôi bên thỏa thuận giao trẻ C cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông B cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 10/5/2019 cho đến khi trẻ Minh đủ tuổi trưởng thành, thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con theo đúng thỏa thuận như trên thì hàng tháng ông B phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành.

- *Về tài sản chung:* không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Phan Khánh A và ông Bùi Việt B phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0020657 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; bà A và ông B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong B hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.P;
- Chi cục THADS Q.P;
- UBND P.N Q.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thiện Liên Hương